

Số: /QĐ-UBND

Yên Bái, ngày 29 tháng 11 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH
Ban hành Kế hoạch chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi
trên đất trồng lúa tỉnh Yên Bái năm 2025

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH YÊN BÁI

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức
chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

Căn cứ Luật Đất đai năm 2024;

*Căn cứ Nghị định số 112/2024/NĐ-CP ngày 11 tháng 9 năm 2024 của
Chính phủ Quy định chi tiết về đất trồng lúa;*

*Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại
Tờ trình số: 199/TTr-SNN ngày 26 tháng 11 năm 2024.*

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Kế hoạch chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi trên đất trồng lúa tỉnh Yên Bái năm 2025.

(Có kế hoạch chi tiết kèm theo)

Điều 2. Trách nhiệm thi hành

1. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chủ trì, phối hợp với các cơ quan, địa phương liên quan:

Hướng dẫn, kiểm tra, giám sát việc chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi trên đất trồng lúa đảm bảo đúng quy định của Luật Trồng trọt và Nghị định số 112/2024/NĐ-CP ngày 11 tháng 9 năm 2024 của Chính phủ Quy định chi tiết về đất trồng lúa.

2. Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố tổ chức chỉ đạo và thực hiện:

- Ban hành và tổ chức thực hiện Kế hoạch chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi trên đất trồng lúa năm 2025 của cấp huyện, cấp xã theo quy định tại Điều 7 Nghị định 112/2024/NĐ-CP ngày 11/9/2024.

- Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát việc chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi trên đất trồng lúa thuộc địa bàn quản lý, tuân thủ đúng quy định pháp luật hiện hành.

- Tổng hợp kết quả thực hiện báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh (qua Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn) theo quy định.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các Sở: Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Tài nguyên và Môi trường; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố; Thủ trưởng các sở, ngành, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ Nông nghiệp và PTNT;
- TT Tỉnh ủy, TT HĐND tỉnh (b/c);
- Chủ tịch UBND tỉnh (b/c);
- Phó Chủ tịch TT UBND tỉnh;
- Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;
- Sở Tài nguyên và Môi trường;
- UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- Chánh VP, Phó CVP (NLN) UBND tỉnh;
- Công thông tin điện tử tỉnh;
- Lưu: VT, NLN.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Nguyễn Thế Phước

**KẾ HOẠCH CHUYỂN ĐỔI CƠ CẤU CÂY TRỒNG, VẬT NUÔI
TRÊN ĐẤT TRỒNG LÚA TỈNH YÊN BÁI NĂM 2025**
(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-UBND ngày 29 tháng 11 năm 2024
của Ủy ban nhân dân tỉnh Yên Bái)

Đơn vị tính: Ha

TT	Huyện, thị xã, thành phố	Diện tích đất lúa được chuyển đổi (ha)			
		Tổng diện tích	Đất chuyên trồng lúa	Đất trồng lúa nước còn lại	
				Đất 01 vụ lúa	Đất lúa nương
	Tổng	266,14	188,92	77,22	
-	Chuyển sang trồng cây hàng năm	218,40	183,00	35,40	
-	Chuyển sang trồng cây lâu năm	41,67		41,67	
-	Trồng lúa kết hợp với nuôi trồng thủy sản	6,07	5,92	0,15	
	Trong đó:				
1	Thành phố Yên Bái	19,10	16,12	2,98	
1.1	Chuyển sang trồng cây hàng năm	15,75	15,75		
1.2	Chuyển sang trồng cây lâu năm	2,84		2,83	
1.3	Trồng lúa kết hợp với nuôi trồng thủy sản	0,51	0,37	0,15	
2	Thị xã Nghĩa Lộ	25,25	25,25		
2.1	Chuyển sang trồng cây hàng năm	24,51	24,51		
2.2	Chuyển sang trồng cây lâu năm				
2.3	Trồng lúa kết hợp với nuôi trồng thủy sản	0,74	0,74		
3	Huyện Trấn Yên	85,62	66,30	19,32	
3.1	Chuyển sang trồng cây hàng năm	71,37	62,17	9,20	
3.2	Chuyển sang trồng cây lâu năm	10,12		10,12	
3.3	Trồng lúa kết hợp với nuôi trồng thủy sản	4,13	4,13		

4	Huyện Lục Yên	22,74	18,63	4,11	
4.1	Chuyển sang trồng cây hàng năm	18,79	18,59	0,20	
4.2	Chuyển sang trồng cây lâu năm	3,91		3,91	
4.3	Trồng lúa kết hợp với nuôi trồng thủy sản	0,04	0,04		
5	Huyện Yên Bình	24,69	19,33	5,36	
5.1	Chuyển sang trồng cây hàng năm	22,33	19,33	3,00	
5.2	Chuyển sang trồng cây lâu năm	2,36		2,36	
5.3	Trồng lúa kết hợp với nuôi trồng thủy sản				
6	Huyện Văn Yên	20,05	6,30	13,75	
6.1	Chuyển sang trồng cây hàng năm	5,65	5,65		
6.2	Chuyển sang trồng cây lâu năm	13,75		13,75	
6.3	Trồng lúa kết hợp với nuôi trồng thủy sản	0,65	0,65		
7	Huyện Văn Chấn	45,70	37,00	8,70	
7.1	Chuyển sang trồng cây hàng năm	37,00	37,00		
7.2	Chuyển sang trồng cây lâu năm	8,70		8,70	
7.3	Trồng lúa kết hợp với nuôi trồng thủy sản				
8	Huyện Mù Cang Chải	23,00		23,00	
8.1	Chuyển sang trồng cây hàng năm	23,00		23,00	
8.2	Chuyển sang trồng cây lâu năm				
8.3	Trồng lúa kết hợp với nuôi trồng thủy sản				
9	Huyện Trạm Tấu	Không thực hiện			